

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 3 năm 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm

Bà Bùi Thị Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2023/TLST- HNGĐ ngày 22/12/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H kết hôn ngày 25/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận. Ngày 23/5/2017, chị H sang lao động tại Đài Loan từ đó cho đến nay. Tới ngày 29/01/2022, anh S phát hiện chị H ngoại tình nên giữa anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Khoảng tháng 11/2022, chị H có nghỉ phép về Việt Nam thăm nhà nhưng chỉ về nhà bố mẹ đẻ ở mà không ở cùng với anh S. Hiện nay, mâu thuẫn giữa anh chị trở nên nghiêm trọng, tình cảm cả hai dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do vậy, anh S làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho anh S được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức D – sinh ngày 02/4/2014. Hiện nay, cháu D đang ở với anh S. Sau khi ly hôn, anh S đề nghị Tòa án tuyên giao anh S trực tiếp nuôi cháu D mà không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung và các nghĩa vụ khác: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thân nhân của chị Vũ Thị H là bà Bùi Thị Đ (mẹ đẻ của chị H) trình bày:

Anh S, chị H kết hôn hợp pháp và sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Đức D. Khoảng tháng 10/2021, anh S và chị H có tâm sự với bà về việc giữa hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Thời gian sau đó, anh S và chị H tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do ghen tuông. Kể từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình họ hàng hai bên đã nhiều lần khuyên can và tổ chức hòa giải nhưng không thành do sự khác biệt quá lớn về quan điểm sống giữa hai người.

Hiện nay, chị H đang lao động tại Đài Loan và vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được.

Về việc anh S xin ly hôn chị H, gia đình bà đã thông báo cho chị H biết. Chị H có nhờ bà nhận thay các văn bản tố tụng và cho biết quan điểm về việc giải quyết vụ án là đồng ý ly hôn, giao cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng mà chị không phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án tuyên chị có quyền thăm nom, chăm sóc cháu D mà không ai được cản trở. Ngoài ra, chị H không đề nghị giải quyết nội dung nào khác.

Cháu Nguyễn Đức D là con chung của anh Nguyễn Văn S và chị Vũ Thị H có văn bản trình bày nguyện vọng như sau: Trong trường hợp bố mẹ cháu phải ly hôn, cháu đề nghị Tòa án tuyên giao cháu cho bố cháu trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 469, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S.

Cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức D – sinh ngày 02/4/2014 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D thành niên và lao động tự túc được. Người nào không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Vũ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Anh S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S nộp đơn khởi kiện ly hôn chị Vũ Thị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn khởi kiện, anh S trình bày hiện chị H đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 32644/QLXNC – P3 ngày 06/12/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận chị Vũ Thị H đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 10/12/2022 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn S và chị Vũ Thị H là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Chị H hiện đang ở Đài Loan, anh S chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị H, không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài cho Tòa án. Qua xác minh, bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là mẹ đẻ của chị H xác nhận chị H hiện đang ở Đài Loan và vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của chị H tại Đài Loan nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa anh S và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh S xin ly hôn chị H là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng anh S và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức D – sinh ngày 02/4/2014, hiện nay cháu D đang ở với anh S. Theo đề nghị của anh S và trình bày của bà Đoàn về đề nghị của chị H thì anh S và chị H đều đề nghị giao cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét thấy đề nghị này phù hợp với nguyện vọng được ở với bố của cháu D nên chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Do anh Nguyễn Văn S không yêu cầu và chị H không có trình bày tại Tòa án nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 469, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S. Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Vũ Thị H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Đức D – sinh ngày 02/4/2014 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D thành niên và lao động tự túc được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Chị Vũ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000083 ngày 21/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh